

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SU

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Giao thông vận tải; Chuyên ngành: Nền móng công trình;

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: **NGUYỄN NGỌC THẮNG**

2. Ngày tháng năm sinh: 13/08/1979; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): xã Quơn Long, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): 128 Đoàn Giỏi, xã Trung An, Tp. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): 128 Đoàn Giỏi, xã Trung An, Tp. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang;

Điện thoại nhà riêng: 0908. 348 763; Điện thoại di động: 0912. 357 024;

E-mail: nguyenngocthang@tgu.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ tháng 07/2003 đến tháng 08/2005, Kỹ sư, Công ty TNHH Xây dựng Hiệp Hòa;

- Từ tháng 08/2005 đến tháng 08/2006, Chuyên viên, Phòng Quản trị thiết bị - Trường Đại học Tiền Giang;

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Từ tháng 08/2006 đến tháng 01/2009, Chuyên viên, Ban Quản lý dự án xây dựng - Trường Đại học Tiền Giang;

- Từ tháng 01/2009 đến tháng 05/2010, Giảng viên, Khoa Kỹ thuật - Trường Đại học Tiền Giang;

- Từ tháng 05/2010 đến tháng 02/2017, Giảng viên, Khoa Kỹ thuật Xây dựng - Trường Đại học Tiền Giang;

- Từ tháng 02/2017 đến tháng 11/2017, Trưởng Bộ môn Kết cấu công trình, Khoa Kỹ thuật Xây dựng - Trường Đại học Tiền Giang;

- Từ tháng 11/2017 đến tháng 01/2021, Phó Trưởng khoa, Khoa Kỹ thuật Xây dựng - Trường Đại học Tiền Giang;

- Từ tháng 01/2021 đến nay, Phó Trưởng khoa, Khoa Kỹ thuật Công nghệ - Trường Đại học Tiền Giang;

Chức vụ hiện nay: Phó Trưởng khoa; Chức vụ cao nhất đã qua: Phó Trưởng khoa;

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Tiền Giang;

Địa chỉ cơ quan: 119 Ấp Bắc, phường 5, Tp. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang;

Điện thoại cơ quan: 02733. 872 624;

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học: Trường Đại học kinh tế công nghiệp Long An; Phân hiệu Đại học Quốc gia Tp. HCM tại tỉnh Bến Tre.

8. Đã nghỉ hưu: Chưa nghỉ hưu.

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 20 tháng 04 năm 2004; số văn bằng: BB 00279/71KH2/2003; ngành: Kỹ thuật xây dựng; chuyên ngành: Thủy lợi, thủy điện và cấp thoát nước; Nơi cấp bằng ĐH: Trường Đại học Bách Khoa Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam;

- Được cấp bằng ThS ngày 27 tháng 11 năm 2008; số văn bằng: 8048; ngành: Kỹ thuật xây dựng; chuyên ngành: Kiến trúc và kỹ thuật xây dựng; Nơi cấp bằng ThS: Trường Đại học công nghệ Toyohashi, Nhật Bản;

- Được cấp bằng ThS ngày 04 tháng 11 năm 2009; số văn bằng: BM 00226/64KH2/2008; ngành: Kỹ thuật xây dựng; chuyên ngành: Địa kỹ thuật xây dựng; Nơi cấp bằng ThS: Trường Đại học Bách Khoa Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam;

- Được cấp bằng TS ngày 24 tháng 04 năm 2017; số văn bằng: QS 08113/13KH2/2016; ngành: Kỹ thuật xây dựng; chuyên ngành: Địa kỹ thuật xây dựng; Nơi cấp bằng TS: Trường Đại học Bách Khoa Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS: Chưa được công nhận.

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS cơ sở: **Trường Đại học Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh.**

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: **Giao thông vận tải.**

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Hướng nghiên cứu 1: Giải pháp trụ đất xi măng dùng gia cố nền đất yếu ở Đồng bằng sông Cửu Long.

- Hướng nghiên cứu 2: Các giải pháp xử lý nền đất yếu nhằm giảm lún và ổn định mái dốc nền đường đắp cao, công trình ven sông.

- Hướng nghiên cứu 3: Phân tích sức chịu tải, sự phân bố tải trọng, sự làm việc đồng thời của cọc, móng và nền đất trong giải pháp móng cọc.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) **00** NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn (số lượng) **06** HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: Số lượng **02** đề tài cấp cơ sở với vai trò là Chủ nhiệm đề tài; Thành viên chính **01** đề tài cấp cơ sở, **01** đề tài cấp Bộ và **01** đề tài cấp tỉnh.

- Đã công bố (số lượng) **27** bài báo khoa học, trong đó **07** bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín (trong đó UV là tác giả chính **05** bài);

- Đã được cấp (số lượng) **00** bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;

- Được công nhận **01** sáng kiến cấp tỉnh đạt năng suất, chất lượng, hiệu quả cao và có phạm vi ảnh hưởng trong toàn tỉnh Tiền Giang;

- Số lượng sách đã xuất bản **04**, trong đó **04** sách thuộc nhà xuất bản có uy tín;

- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Học bổng MEXT năm 2007 của Trường Đại học Công nghệ Toyohashi, Nhật Bản.

- Học bổng JASSO năm 2010 của Trường Đại học Kumamoto, Nhật Bản.

- Danh hiệu chiến sĩ thi đua cơ sở năm 2009; năm học 2012-2013; năm học 2014-2015 năm học 2016-2017; năm học 2018-2019; năm học 2019-2020 và năm học 2020-2021.

- Danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp tỉnh năm 2022.

- Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh Tiền Giang năm 2020 và năm 2022.

- Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2023.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Trước khi chuyên ngạch giảng viên bị kỷ luật khiển trách theo quyết định số 813/QĐ-ĐHTG ngày 30/11/2007 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tiền

Giang thời hạn 1 năm từ 16/11/2007 đến ngày 15/11/2008. Đã xóa kỷ luật theo quyết định số 844/QĐ-ĐHTG ngày 31/12/2008 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tiền Giang.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

1.1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn của nhà giáo:

- Có tư tưởng chính trị vững vàng, đảm bảo phẩm chất đạo đức nhà giáo.
- Trung thực, khách quan trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và trong các hoạt động chuyên môn khác.
- Trong quá trình công tác và giảng dạy luôn nỗ lực và tìm tòi đổi mới để đạt kết quả tốt, đảm bảo tính khoa học, chú trọng phương pháp lấy người học làm trung tâm để truyền đạt tốt nhất các kiến thức và kỹ năng cho sinh viên. Bản thân được đào tạo đạt chuẩn trình độ về chuyên môn nghiệp vụ, có trình độ ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu cho nghiên cứu và giảng dạy:
 - + Tốt nghiệp ĐH năm 2004. Ngành: Kỹ thuật xây dựng, chuyên ngành: Thủy lợi, thủy điện và cấp thoát nước, được Trường Đại học Bách Khoa Tp. Hồ Chí Minh cấp bằng Kỹ sư ngày 20 tháng 04 năm 2004.
 - + Tốt nghiệp thạc sĩ năm 2008. Ngành: Kỹ thuật xây dựng, chuyên ngành: Kiến trúc và kỹ thuật xây dựng, được Trường Đại học công nghệ Toyohashi, Nhật Bản cấp bằng ThS ngày 27 tháng 11 năm 2008.
 - + Tốt nghiệp thạc sĩ năm 2009. Ngành: Kỹ thuật xây dựng, chuyên ngành: Địa kỹ thuật xây dựng, được Trường Đại học Bách Khoa Tp. Hồ Chí Minh cấp bằng ThS ngày 04 tháng 11 năm 2009.
 - + Tốt nghiệp Tiến sĩ năm 2017. Ngành: Kỹ thuật xây dựng, chuyên ngành: Địa kỹ thuật xây dựng, được Trường Đại học Bách Khoa Tp. Hồ Chí Minh cấp bằng TS ngày 24 tháng 04 năm 2017.
- Ứng viên cũng đã được bồi dưỡng về nghiệp vụ sư phạm, quản lý và năng lực nghiên cứu như: Lý luận dạy học đại học (năm 2009); Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên đại học, cao đẳng (năm 2016); Bồi dưỡng Cán bộ Quản lý Khoa, Phòng Trường Đại học, cao đẳng (năm 2017); Bồi dưỡng kiến thức Quốc phòng và an ninh đối tượng 3 (năm 2019); Bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ đánh giá chất lượng giáo dục cấp Cơ sở giáo dục (năm 2019); Bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ đánh giá chất lượng giáo dục cấp Chương trình đào tạo (năm 2019), Trung cấp Lý luận Chính trị – Hành chính (năm 2021); Cao cấp Lý luận chính trị (năm 2024).
- Sức khỏe tốt, không bị bệnh truyền nhiễm, dị tật đảm bảo yêu cầu nghề nghiệp. Có lý lịch bản thân rõ ràng.

1.2. Tự đánh giá về nhiệm vụ của nhà giáo:

- Ứng viên luôn giữ gìn phẩm chất, uy tín danh dự của nhà giáo; tôn trọng nhân cách của người học, đối xử công bằng với người học. bảo vệ các quyền, lợi ích chính đáng của người học; quan hệ với học viên cao học và sinh viên đúng đắn, được sinh viên quý mến.
- Thực hiện giảng dạy theo đúng chương trình giáo dục; bảo đảm giờ giấc, nội quy và tuân thủ tốt kế hoạch phân công. Không ngừng học tập, rèn luyện để nâng cao phẩm chất đạo đức, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, nêu gương tốt cho người học; hoàn thành tốt khối lượng và nội dung giảng dạy của các môn học theo quy định của nhà trường.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Có kinh nghiệm giảng dạy về lý thuyết các học phần chuyên ngành và hướng dẫn sinh viên làm đồ án tốt nghiệp; Hướng dẫn học viên cao học làm luận văn thạc sĩ.

- Tham gia và làm tốt các công tác quản lý đào tạo từ cấp Bộ môn, cấp Khoa. Đồng thời ứng viên cũng là thành viên Hội đồng Khoa học và đào tạo của Trường Đại học Tiền Giang. Với các vai trò đó, ứng viên luôn gương mẫu thực hiện các quy định của Pháp luật và Điều lệ trường Đại học.

- Năm học 2022-2023 ứng viên được bình chọn là nhà giáo, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục tiêu biểu, được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo tặng Bằng khen theo Quyết định số 3564/QĐ-BGDĐT ngày 03/11/2023.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: **15 năm 06 tháng.**

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

+ Tham gia đào tạo, bồi dưỡng tại Trường Đại học Tiền Giang:

| TT | Năm học | Số lượng NCS đã hướng dẫn | | Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn | Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD | Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp | | Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*) |
|------------------------|-----------|---------------------------|-----|------------------------------------|---|------------------------------------|-----|---|
| | | Chính | Phụ | | | ĐH | SĐH | |
| 1 | 2018-2019 | 0 | 0 | 0 | 2 | 180,0 | 0 | 180,0 /321,0 /216,00 |
| 2 | 2019-2020 | 0 | 0 | 0 | 2 | 225,0 | 0 | 225,0 /311,5 /216,00 |
| 3 | 2020-2021 | 0 | 0 | 0 | 2 | 165,0 | 0 | 165,0 /394,5 /200,25 |
| 03 năm học cuối | | | | | | | | |
| 4 | 2021-2022 | 0 | 0 | 0 | 4 | 135,0 | 0 | 135,0 /215,0 /189,00 |
| 5 | 2022-2023 | 0 | 0 | 0 | 4 | 105,0 | 0 | 132,0 /222,0 /204,75 |
| 6 | 2023-2024 | 0 | 0 | 0 | 4 | 135,0 | 0 | 135,0 /235,0 /216,00 |

+ Thịnh giảng tại Trường Đại học Kinh tế Công nghiệp Long An:

| TT | Năm học | Số lượng NCS đã hướng dẫn | | Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn | Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD | Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp | | Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*) |
|------------------------|-----------|---------------------------|-----|------------------------------------|---|------------------------------------|-----|---|
| | | Chính | Phụ | | | ĐH | SĐH | |
| 1 | 2018-2019 | 0 | 0 | 2 | 0 | 120 | 64 | 184,0 /360,0 /0 |
| 2 | 2019-2020 | 0 | 0 | 0 | 0 | 255 | 20 | 275,0 /320,5 /0 |
| 3 | 2020-2021 | 0 | 0 | 2 | 0 | 130 | 0 | 130,0 /230,0 /0 |
| 03 năm học cuối | | | | | | | | |
| 4 | 2021-2022 | 0 | 0 | 2 | 0 | 135 | 0 | 135,0 /235,0 /0 |
| 5 | 2022-2023 | 0 | 0 | 0 | 0 | 165 | 0 | 165,0 /165,0 /0 |
| 6 | 2023-2024 | 0 | 0 | 0 | 2 | 90,0 | 0 | 90,0 /130,0 /0 |

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh.

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ; tại nước: Nhật Bản năm 2008

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước :

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài :

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ; Diễn giải: Trong quá trình làm nghiên cứu sinh tại Trường Đại học Bách khoa Tp. HCM, ứng viên đã xin được học bổng JASSO đi thực tập khoa học tại Trường Đại học Kumamoto-Nhật Bản, từ tháng 10/2010 đến tháng 09/2011.

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): B, TOEFL ITP.

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng:

| TT | Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT | Đối tượng | | Trách nhiệm hướng dẫn | | Thời gian hướng dẫn từ ... đến ... | Cơ sở đào tạo | Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng |
|----|-------------------------------|-----------|-----------------|-----------------------|-----|------------------------------------|--|---|
| | | NCS | HVCH /CK2 /BSNT | Chính | Phụ | | | |
| 1 | Trần Thanh Tài | | X | X | | 03/2019-09/2019 | Trường Đại học Kinh tế Công nghiệp Long An | 21/08/2020 |
| 2 | Nguyễn Trung Hiếu | | X | X | | 04/2019-10/2019 | Trường Đại học Kinh tế Công nghiệp Long An | 26/01/2021 |

| | | | | | | | | |
|---|-------------------|--|---|---|--|-----------------|--|------------|
| 3 | Nguyễn Trường Hải | | X | X | | 08/2020-02/2021 | Trường Đại học Kinh tế Công nghiệp Long An | 17/03/2022 |
| 4 | Thiệu Ngọc Hồ | | X | X | | 08/2020-02/2021 | Trường Đại học Kinh tế Công nghiệp Long An | 17/03/2022 |
| 5 | Lê Quốc Cường | | X | X | | 10/2021-04/2022 | Trường Đại học Kinh tế Công nghiệp Long An | 27/10/2022 |
| 6 | Nguyễn Xuân Minh | | X | X | | 10/2021-04/2022 | Trường Đại học Kinh tế Công nghiệp Long An | 27/10/2022 |

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

| TT | Tên sách | Loại sách (CK, GT, TK, HD) | Nhà xuất bản và năm xuất bản | Số tác giả | Chủ biên | Phản biên soạn (từ trang ... đến trang) | Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách) |
|-----------|---|----------------------------|---|------------|----------|---|--|
| I | Trước khi được công nhận TS | | | | | | |
| 1 | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | |
| ... | | | | | | | |
| II | Sau khi được công nhận TS | | | | | | |
| 1 | Gia cố nền đất yếu bằng trụ đất xi măng ISBN: 978-604-67-1374-6 | TK | Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, 2019 | 2 | Chủ biên | 17-133 | 01/GXN-ĐHTG ngày 25/12/2023 |
| 2 | Ảnh hưởng của khoáng vật Montmorillonite đến tính chất cơ học của trụ đất xi măng ISBN: 978-604-82-2915-3 | TK | Nhà xuất bản xây dựng, 2019 | 2 | Chủ biên | 18-98 | 02/GXN-ĐHTG ngày 25/12/2023 |
| 3 | Thực nghiệm đánh giá Mô đun đàn hồi của đất đắp nền đường khi thay đổi độ ẩm và thành phần hạt ISBN: 978-604-67-2194-9 | TK | Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, 2022 | 3 | Chủ biên | 11-48 | 03/GXN-ĐHTG ngày 25/12/2023 |
| 4 | Phòng chống xói lở công vùng đồng bằng sông Cửu Long ISBN: 978-604-67-2208-3 | TK | Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, 2022 | 2 | Chủ biên | 53-80 | 04/GXN-ĐHTG ngày 25/12/2023 |

Trong đó: số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: [],.....

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

| TT | Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...) | CN /PCN /TK /TVC | Mã số và cấp quản lý | Thời gian thực hiện | Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ |
|-----------|---|---------------------------|---|---------------------|---|
| I | Trước khi được công nhận TS | | | | |
| 1 | Ảnh hưởng của hàm lượng Montmorillonite trong đất đến độ bền cơ học của cọc đất - xi măng dùng xử lý nền móng công trình xây dựng trên đất yếu | PCN | Mã số: 431/HĐ-ĐHTG Cấp quản lý: Trường Đại học Tiền Giang | 10/2011 - 09/2012 | 29/11/2012 Xếp loại: A |
| II | Sau khi được công nhận TS | | | | |
| 2 | Nghiên cứu sự ảnh hưởng của khoáng vật Montmorillonite đến sức chịu tải của nền đất yếu gia cố cọc đất trộn xi măng bằng mô hình trong phòng thí nghiệm | CN | Mã số: 166/HĐ-ĐHTG Cấp quản lý: Trường Đại học Tiền Giang | 05/2016 - 04/2017 | 27/04/2017 Xếp loại: Tốt |
| 3 | Nghiên cứu ảnh hưởng của khoáng vật Montmorillonite đến cường độ chịu nén nhằm tối ưu hóa trụ đất xi măng trong xử lý nền công trình giao thông Đồng bằng sông Cửu Long | PCN | Mã số: DT 194071 Cấp quản lý: Bộ Giao thông vận tải | 01/2019 - 12/2019 | 04/01/2020 Xếp loại: Đạt (mức A) |
| 4 | Nghiên cứu ứng suất và biến dạng của nền móng công trình lân cận do ảnh hưởng của quá trình thi công ép cọc | CN | Mã số: 159/HĐ-ĐHTG Cấp quản lý: Trường Đại học Tiền Giang | 11/2021 - 08/2022 | 15/08/2022 Xếp loại: Khá |
| 5 | Áp dụng mô hình CDIO để xây dựng các chương trình đào tạo tiên tiến nhằm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho Tiền Giang | TVC | Mã số: ĐTKTXH 04/21 Cấp quản lý: Tỉnh Tiền Giang | 06/2021- 11/2023 | 30/05/2024 Xếp loại: Đạt |

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký; TVC: Thành viên chính.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

| TT | Tên bài báo /báo cáo KH | Số tác giả | Là tác giả chính | Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học /ISSN hoặc ISBN | Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi) | Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn) | Tập, số, trang | Tháng, năm công bố |
|---|--|------------|------------------|---|---|--|---------------------------|--------------------|
| I | | | | | | | | |
| Trước khi được công nhận TS | | | | | | | | |
| I.1. Bài báo khoa học đăng trên tạp chí trong nước | | | | | | | | |
| 1 | Các yếu tố ảnh hưởng đến cường độ chịu uốn và tương quan giữa cường độ chịu nén nở hông và uốn của vật liệu đất trộn xi măng | 4 | | Tạp chí địa kỹ thuật-Viện địa kỹ thuật ISSN 0868-279X | | | Tập 14, số 4, trang 23-28 | 4/2010 |
| 2 | Nghiên cứu ảnh hưởng của hàm lượng Montmorillonite đến tính chất cơ học của đất trộn xi măng | 4 | X | Tạp chí địa kỹ thuật-Viện địa kỹ thuật ISSN 0868-279X | | | Tập 15, số 4, trang 11-19 | 4/2011 |
| II | | | | | | | | |
| Sau khi được công nhận TS | | | | | | | | |
| II.1. Bài báo khoa học đăng trên tạp chí trong nước | | | | | | | | |
| 3 | Nghiên cứu nguyên nhân và đề xuất giải pháp chống xói lở công Mông Gà, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An | 2 | X | Tạp chí xây dựng-Bộ Xây dựng ISSN 0866-0762 | | | Tập 57, số 6, trang 06-09 | 6/2018 |
| 4 | Nghiên cứu sự phân bố tải trọng trong quá trình làm việc của móng bè cọc | 2 | X | Tạp chí Vật liệu và Xây dựng-Bộ Xây dựng ISSN 1859-0381X | | | Số 4/2021, trang 67-72 | 8/2021 |
| https://doi.org/10.54772/jomc.04.2021.156 | | | | | | | | |
| 5 | Nghiên cứu giải pháp xử lý nền bằng trụ đất xi măng cho công trình bê chứa xăng dầu ở Tiền Giang | 2 | X | Tạp chí Vật liệu và Xây dựng-Bộ Xây dựng ISSN 1859-0381X | | | Số 4/2021, trang 84-89 | 8/2021 |
| https://doi.org/10.54772/jomc.04.2021.158 | | | | | | | | |
| 6 | Gia cố nền đất yếu bằng trụ đất xi măng cho móng công trình dân dụng ở Tiền Giang | 2 | X | Tạp chí xây dựng-Bộ Xây dựng ISSN 3734-9888 | | | Số 4, trang 74-77 | 4/2022 |

| | | | | | | | |
|---|--|---|---|--|--|---------------------------|---------|
| https://tapchixaydung.vn/tap-chi-xay-dung-so-04-2022-20201224000010591.html | | | | | | | |
| 7 | Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến cường độ chịu nén của mẫu đất trộn xi măng | 2 | X | Tạp chí xây dựng-Bộ Xây dựng ISSN 3734-9888 | | Số 4, trang 93-97 | 4/2022 |
| https://tapchixaydung.vn/tap-chi-xay-dung-so-04-2022-20201224000010591.html | | | | | | | |
| 8 | Phương pháp thiết kế đơn giản trụ đất xi măng trong gia cố nền đường đất yếu | 1 | X | Tạp chí Vật liệu và Xây dựng-Bộ Xây dựng ISSN 1859-0381X | | Tập 12, số 3, trang 33-37 | 6/2022 |
| https://doi.org/10.54772/jomc.03.2022.311 | | | | | | | |
| 9 | Nghiên cứu sự làm việc đồng thời của cọc, móng và nền đất trong móng bê cọc | 2 | X | Tạp chí xây dựng-Bộ Xây dựng ISSN 3734-9888 | | Số 5/2023, trang 76-79 | 5/2023 |
| https://tapchixaydung.vn/tap-chi-xay-dung-so-5-2023-20201224000017498.html | | | | | | | |
| 10 | Nghiên cứu trạng thái ứng suất - biến dạng của móng cọc bê tông cốt thép bằng phần tử hữu hạn 3D | 2 | X | Tạp chí xây dựng-Bộ Xây dựng ISSN 3734-9888 | | Số 6/2023, trang 96-99 | 6/2023 |
| https://tapchixaydung.vn/tap-chi-xay-dung-so-6-2023-20201224000018004.html | | | | | | | |
| 11 | Xác định mô-đun đàn hồi của nền đường đất đắp vùng đồng bằng sông Cửu Long bằng thí nghiệm ba trục | 2 | X | Tạp chí Giao thông vận tải-Bộ Giao thông vận tải ISSN 2354-0818 | | Số 735, trang 92-95 | 11/2023 |
| https://tapchigiaothong.qltns.mediacd.vn/481400261263945728/2024/6/4/dt-1717466676976229349383.pdf | | | | | | | |
| 12 | Nghiên cứu biến dạng mặt đường trong giải pháp khoan kích ngầm hệ thống xử lý nước | 2 | X | Tạp chí xây dựng-Bộ Xây dựng ISSN 3734-9888 | | Số 11/2023, trang 52-55 | 11/2023 |
| https://tapchixaydung.vn/tap-chi-xay-dung-so-11-2023-20201224000020581.html | | | | | | | |
| 13 | Tính toán ổn định nền đất đắp khi thi công bằng phương pháp đắp theo giai đoạn | 2 | | Tạp chí xây dựng-Bộ Xây dựng ISSN 3734-9888 | | Số 1/2024, trang 72-75 | 01/2024 |
| https://tapchixaydung.vn/tap-chi-xay-dung-so-01-2024-20201224000021654.html | | | | | | | |

| | | | | | | | | |
|--|---|---|---|--|---|---|---------------------------------------|---------|
| 14 | Sử dụng tia X-ray CT phân tích ảnh hưởng của đất trương nở đến khối lượng riêng đất trộn xi măng | 1 | X | Tạp chí Giao thông vận tải-Bộ Giao thông vận tải ISSN 2354-0818 | | | Số 739, trang 27-30 | 03/2024 |
| | https://tapchigiaothong.qltns.mediacdn.vn/481400261263945728/2024/6/4/dt-t3-2024-1717468602649816238236.pdf | | | | | | | |
| 15 | Phân tích khả năng chịu tải của cọc theo thời gian từ kết quả thí nghiệm xuyên tĩnh có đo áp lực nước lỗ rỗng (CPTu) | 2 | | Tạp chí Giao thông vận tải-Bộ Giao thông vận tải ISSN 2354-0818 | | | Số 740, trang 104-107 | 04/2024 |
| | https://tapchigiaothong.qltns.mediacdn.vn/481400261263945728/2024/4/24/dtt42024-1713944928222993821578.pdf | | | | | | | |
| II.2. Báo cáo khoa học đăng trên Hội thảo quốc tế | | | | | | | | |
| 16 | Study on Using Laboratory Model to Research for Bearing Capacity of Soft Ground Improved by Deep Cement Mixing Columns due to Embankment Load with Different Montmorillonite Contents | 4 | | 2018 IEEE International Conference "Quality Management, Transport and Information Security, Information Technologies" ISBN: 978-1-5386-6757-6 | Proceeding paper, Scopus | 2 | pp. 121-127 | 9/2018 |
| | https://doi.org/10.1109/ITMQIS.2018.8525125 | | | | | | | |
| II.3. Bài báo khoa học đăng trên tạp chí quốc tế | | | | | | | | |
| 17 | Nonlinear FEM analysis of cement column configuration in the foundation improved by deep mixing method | 2 | X | Strength of Materials and Theory of Structure ISSN 2410-2547 | ISI (ESCI) | 2 | No. 100 pp. 18-26 | 6/2018 |
| | http://opir.knuba.edu.ua/en/node/831 | | | | | | | |
| 18 | Study on Stress Distribution in Soft Ground Consolidated with Deep Cement Mixing Columns under Road Embankment | 2 | | Civil Engineering and Architecture ISSN 2332-1091 (P) 2332-1121 (O) | Scopus, Q3 CiteScore 1.2 H-index 12 | 5 | Vol. 8, No. 6, pp. 1251-1265 | 11/2020 |
| | https://doi.org/10.13189/cea.2020.080609 | | | | | | | |
| 19 | A study on the calculation of | 2 | X | International Journal of GEOMATE | Scopus, Q3 | 1 | Vol. 23, Iss. 100, | 12/2022 |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|--|--|---|--------------------------------------|---------|
| | deformation of cement deep mixing columns that stabilize soil erosion and landslides on river roads | | | ISSN 2186-2982 (P) 2186-2990 (O) | CiteScore 1.8 H-index 27 | | pp. 52-61 | |
| https://doi.org/10.21660/2022.100.3679 | | | | | | | | |
| 20 | The effect of pile driving process on stress and strain of neighboring building's foundations: An application in Vietnam | 2 | X | International Journal of GEOMATE ISSN 2186-2982 (P) 2186-2990 (O) | Scopus, Q3 CiteScore 1.8 H-index 27 | 1 | Vol. 24, Iss. 104, pp. 1-10 | 4/2023 |
| https://doi.org/10.21660/2023.104.3688 | | | | | | | | |
| 21 | A Study on Methods to Enhance the Stability of Riverbanks in Seaport Areas | 3 | X | International Journal of Scientific Research in Science, Engineering and Technology ISSN 2395-1990 (P) 2394-4099 (O) | | | Vol. 10, Iss. 3 pp. 372-379 | 6/2023 |
| https://doi.org/10.32628/IJSRSET23103117 | | | | | | | | |
| 22 | Combined prefabrication vertical drain (PVD) with variable preloading and vacuuming method to improve soft ground in the Mekong Delta | 3 | X | International Journal of Scientific Research in Science, Engineering and Technology ISSN 2395-1990 (P) 2394-4099 (O) | | | Vol. 10, Iss. 3 pp. 455-463 | 6/2023 |
| https://doi.org/10.32628/IJSRSET23103140 | | | | | | | | |
| 23 | Soft Ground Improvement below Bridge Approach Foundation using Cement Deep Mixing columns combined with Geotextile | 2 | X | Journal of Applied Engineering Science ISSN 1451-4117 (P) 1821-3197 (O) | Scopus, Q3 CiteScore 1.9 H-index 19 | 2 | Vol. 21, No. 2, pp. 491-500 | 6/2023 |
| https://doi.org/10.5937/jaes0-40629 | | | | | | | | |
| 24 | Mechanism of cement deep mixing and design method improving soft ground in Mekong Delta | 1 | X | International Journal of Scientific Research in Science, Engineering and Technology ISSN 2395-1990 (P) | | | Vol. 10, Iss. 5 pp. 150-158 | 10/2023 |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|--|--|--|-------------------------------------|---------|
| | | | | 2394-4099 (O) | | | | |
| https://doi.org/10.32628/IJSRSET2310514 | | | | | | | | |
| 25 | An analytical stabilization of landslide on road foundation soft ground improvement by SDCM columns | 3 | X | International Journal of Scientific Research in Science, Engineering and Technology ISSN 2395-1990 (P) 2394-4099 (O) | | | Vol. 10, Iss. 6 pp. 71-76 | 11/2023 |
| https://doi.org/10.32628/IJSRSET2310559 | | | | | | | | |
| 26 | Exploring optimal Cement Deep Mixing column arrangements for soft ground improvement: A simplified approach investigation | 1 | X | International Journal of Scientific Research in Science, Engineering and Technology ISSN 2395-1990 (P) 2394-4099 (O) | | | Vol.11, Iss. 1 pp. 1-7 | 1/2024 |
| https://doi.org/10.32628/IJSRSET2310665 | | | | | | | | |
| 27 | An investigation of Cement Deep Mixing columns stabilization in the road foundation along the Cho Gao canal | 1 | X | International Journal of GEOMATE ISSN 2186-2982 (P) 2186-2990 (O) | Scopus, Q3 CiteScore 1.8 H-index 27 | | Vol. 26, Iss. 114, pp. 1-8 | 02/2024 |
| https://doi.org/10.21660/2024.114.4200 | | | | | | | | |

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được cấp bằng TS: **05** bài, gồm các bài [17], [19], [20], [23], [27].

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

| TT | Tên bài báo/báo cáo KH | Số tác giả | Là tác giả chính | Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN | Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành | Tập, số, trang | Tháng, năm công bố |
|-----------|--|------------|------------------|---|---|----------------|--------------------|
| I | Trước khi được công nhận PGS/TS | | | | | | |
| 1 | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | |
| ... | | | | | | | |
| II | Sau khi được công nhận PGS/TS | | | | | | |

| | | | | | | | |
|-----|--|--|--|--|--|--|--|
| 1 | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | |
| ... | | | | | | | |

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

| TT | Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích | Tên cơ quan cấp | Ngày tháng năm cấp | Tác giả chính/đồng tác giả | Số tác giả |
|----|---|----------------------|--|----------------------------|------------|
| 1 | Sáng kiến cấp Tỉnh: “Effect of montmorillonite content on the bearing capacity of soft ground improved by cement deep mixing columns” | UBND tỉnh Tiền Giang | Quyết định số 1891/QĐ-UBND ngày 13/07/2022 | Tác giả chính | 3 |

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau khi được cấp bằng TS: **01** sáng kiến cấp tỉnh đạt năng suất, chất lượng, hiệu quả cao và có phạm vi ảnh hưởng trong toàn tỉnh Tiền Giang.

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

| TT | Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT | Cơ quan/tổ chức công nhận | Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm) | Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế | Số tác giả |
|-----|--|---------------------------|--|----------------------------------|------------|
| 1 | | | | | |
| 2 | | | | | |
| ... | | | | | |

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

| TT | Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN | Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia) | Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm) | Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng | Văn bản đưa vào áp dụng thực tế | Ghi chú |
|----|---|--------------------------------|--|------------------------------------|---|---------|
| 1 | Thẩm định chương trình đào tạo ngành Công nghệ kỹ thuật xây dựng, trình độ cao đẳng | Tham gia | Quyết định số 301/QĐ-ĐHTG ngày 30/05/2017 | Trường Đại học Tiền Giang | Quyết định số 393/QĐ-ĐHTG ngày 23/06/2017 | |
| 2 | Thẩm định chương trình đào tạo theo chuyên ngành xây dựng cầu đường, trình độ đại học | Tham gia | Quyết định số 223/QĐ-ĐHTG ngày 24/04/2017 | Trường Đại học Tiền Giang | Quyết định số 600/QĐ-ĐHTG ngày 20/09/2017 | |

| | | | | | | |
|---|---|----------|---|---|--|--|
| 3 | Xây dựng phát triển chương trình đào tạo theo chuẩn đầu ra, các ban giúp việc và các tổ phát triển chương trình đào tạo | Tham gia | Quyết định số 624/QĐ-ĐHTG ngày 12/11/2018 | Trường Đại học Tiền Giang | | |
| 4 | Lập hồ sơ và đăng ký mở ngành Kỹ thuật xây dựng, trình độ thạc sĩ | Tham gia | Kế hoạch số 141/KH-ĐHTG ngày 08/03/2019 | Trường Đại học Tiền Giang | | |
| 5 | Đánh giá chương trình đào tạo Đại học ngành Công nghệ kỹ thuật xây dựng | Tham gia | Quyết định số 206/QĐ-ĐHTG ngày 19/03/2021 | Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục | Quyết định số 58/QĐ-TTKĐ ngày 10/02/2023 | |
| 6 | Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Tiền Giang | Tham gia | Quyết định số 379/QĐ-ĐHTG ngày 24/06/2021 | Trường Đại học Tiền Giang | | |
| 7 | Tổ đảm bảo chất lượng giáo dục tại các đơn vị trực thuộc Trường Đại học Tiền Giang | Tham gia | Quyết định số 449/QĐ-ĐHTG ngày 11/09/2023 | Trường Đại học Tiền Giang | | |

Các đóng góp khác:

- **Tham gia các Hội nghị /Hội thảo khoa học trong nước:** Hội nghị Khoa học công nghệ lần thứ 12 (2011); Hội nghị vật lý chất rắn và khoa học vật liệu toàn quốc lần thứ 7 (2011); Hội nghị Cơ học toàn quốc lần thứ IX (2012); Hội nghị Khoa học công nghệ lần thứ 13 (2013); Hội Nghị Cơ học Kỹ thuật Toàn quốc (2015); Hội Thảo khoa học quốc gia-Hạ tầng giao thông với phát triển bền vững (TISDC 2016); Hội nghị khoa học Hướng đến các công nghệ tiên tiến trong xây dựng (TOATCE 2018).

- **Tham gia các Hội nghị /Hội thảo khoa học quốc tế:** Conference on Advanced Science and Technology, Japan (ICAST 2010); Conference on Advanced Science and Technology, China (ICAST 2011); International Conference on Geotechnics for sustainable development, Vietnam (GEOTECHANOI 2011); 10th International Symposium on Advanced Science and Technology in Experimental Mechanics, Japan (ISEM 2015); International Conference on Geotechnics for sustainable infrastructure development, Vietnam (GEOTECHANOI 2016); The third international conference on transportation infrastructure and sustainable development (TISDIC 2019).

- Chủ tịch hoặc là thành viên các hội đồng nghiệm thu đề tài nghiên cứu khoa học cấp Khoa, cấp Trường tại Trường Đại học Tiền Giang. Chủ tịch hoặc là thành viên các hội đồng Thẩm định tập bài giảng cấp Khoa, cấp Trường tại Trường Đại học Tiền Giang. Thành viên hội đồng phản biện của Tạp chí Kinh tế-Công nghiệp, Trường đại học Kinh tế Công nghiệp Long An, Tạp chí xây dựng-Bộ xây dựng.

- Cố vấn kỹ thuật cho phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng LAS-XD 1513 phục vụ công tác thí nghiệm, kiểm định chất lượng các công trình giao thông tại tỉnh Tiền Giang.

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS:

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo:

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy:

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): ...

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu: ...

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học:

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu: ...

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS):

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Tiền Giang, ngày 20 tháng 06 năm 2024

NGƯỜI ĐĂNG KÝ



Nguyễn Ngọc Thắng